



tǎ tái

塔台

noun · control tower

Example Sentences

Tǎ tái zhǐ huī fēi jī qǐ fēi hé jiàng luò
塔台指挥飞机起飞和降落。

The control tower directs planes to take off and land.

Fēi xíng yuán zài qǐ fēi qián bì xū yǔ tǎ tái bǎo chí lián xì
飞行员在起飞前必须与塔台保持联系。

Pilots must stay in contact with the control tower before takeoff.

Trace each character, then write the word on your own.

塔	塔	塔	塔	塔	塔	塔	塔	塔	塔	塔
塔	塔	塔	塔							

台	台	台	台	台	台	台	台			

